

# TÂM THỨC LƯU ĐÀY CỦA THANH NIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954-1975 QUA KHẢO SÁT TRÊN TẠP CHÍ *BÁCH KHOA*

Bùi Ngọc Anh Thu

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Email: anhtu12719@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 31/5/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/7/2023; Ngày duyệt đăng: 31/7/2023

## Tóm tắt

*Exile (tạm dịch: tâm thức lưu đày) là một trong những nội dung quan trọng của thuyết hậu thuộc địa, thường bắt gặp ở những đối tượng có sự chia cắt với quê hương thật sự hoặc nguồn gốc văn hóa và dân tộc. Đây vẫn là một khái niệm khá mới mẻ với giới nghiên cứu trong nước. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, nhiều truyện ngắn trên tạp chí Bách Khoa đã bước đầu xây dựng các nhân vật mang tâm thức lưu đày khá rõ rệt. Bằng các phương pháp phân tích, chứng minh, lịch sử-xã hội, nghiên cứu liên ngành, bài viết sẽ chỉ ra một số biểu hiện cụ thể của tâm thức lưu đày ở đối tượng thanh niên qua các trạng thái cô đơn, lạ lẫm, xa cách với quê hương và bị "bật gốc" khỏi cội nguồn dân tộc. Kết quả nghiên cứu cho thấy các trạng thái tâm lý phức tạp ở đối tượng thanh niên, khi họ không chỉ là những người trực tiếp chịu nhiều tác động dữ dội của chủ nghĩa thực dân mà còn đóng vai trò là người nắm giữ trong tay vận mệnh đất nước. Qua đó, có thể hình dung được sức ép to lớn của chủ nghĩa thực dân đối với những người trẻ ở miền Nam Việt Nam trong suốt hơn hai mươi năm bị xâm lược.*

**Từ khóa:** Chủ nghĩa hậu thuộc địa, tâm thức lưu đày, tạp chí Bách Khoa, thanh niên, truyện ngắn.

---

## THE EXILED CONSCIOUSNESS OF YOUNG PEOPLE IN SHORT STORIES OF SOUTHERN URBAN AREAS IN *BACH KHOA* MAGAZINE OF THE 1954-1975 PERIOD

Bui Ngoc Anh Thu

School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam

Email: anhtu12719@gmail.com

Article history

Received: 31/5/2023; Received in revised form: 05/7/2023; Accepted: 31/7/2023

## Abstract

*The exile is one of the important contents of postcolonialism, often encountered in subjects who are separated from their true homeland or their cultural and ethnic origin. This is still a fairly new theory for domestic researchers. Through the survey, we found that many short stories published in Bach Khoa magazine have initially built quite obvious exiled characters. Through analysis, proof, history-society, interdisciplinary research, the article will point out some specific manifestations of the exiled mind in young people through lonely and strange states, unfamiliar, distant from the homeland and "deracinated" from the national origin. Research results show complex psychological states in young people, when they are not only the ones directly affected by the impact of colonialism, but also holds the fate of the country. Thereby, one can imagine the great pressure of colonialism on young people in South Vietnam during more than twenty years being invaded.*

**Keywords:** Bach Khoa magazine, postcolonialism, short stories, the exile, young people.

---

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1265>

Trích dẫn: Bùi, N. A. T. (2024). Tâm thức lưu đày của thanh niên trong truyện ngắn ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 qua khảo sát trên tạp chí *Bách Khoa*. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 95-101. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1265>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## 1. Đặt vấn đề

Sau hiệp định Genève năm 1954, Việt Nam chính thức bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Nỗi đau ấy kéo dài đến hơn hai mươi năm, gây ra cho đồng bào ta biết bao tổn thất nghiêm trọng về vật chất lẫn tinh thần. Cùng với đó, sự hiện diện của hơn nửa triệu lính Mỹ sau năm 1965 trên một nửa lãnh thổ hình chữ S nhanh chóng tạo nên dư chấn mạnh mẽ, gây ra những chuyển biến phức tạp trong đời sống chính trị - xã hội lẫn tâm tư, tình cảm con người. Không ít người ngày càng cảm thấy cách xa, lạ lẫm với quê hương mà họ luôn gắn bó, yêu thương. Đặc biệt, với tầng lớp trí thức, thanh niên vốn luôn là đối tượng hàng đầu mà chủ nghĩa thực dân mới hướng đến, các biểu hiện của trạng thái đau đớn, phức tạp ấy lại càng được bộc lộ rõ nét. Thuyết hậu thuộc địa gọi tên trạng thái cảm thấy xa cách với nguồn cội dân tộc của bộ phận lớn thanh niên lúc bấy giờ là “exile” (tạm dịch: tâm thức lưu đày). Qua khảo sát truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa*, chúng tôi nhận thấy biểu hiện của tâm thức lưu đày ở thanh niên là khá rõ rệt.

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi vận dụng một số phương pháp như: Phương pháp thống kê - phân loại, phương pháp phân tích - chứng minh, phương pháp lịch sử - xã hội và đặc biệt là phương pháp nghiên cứu liên ngành, vận dụng kiến thức của thuyết hậu thuộc địa và tâm lý học để lý giải các vấn đề.

## 2. Về thuật ngữ “tâm thức lưu đày” và tạp chí *Bách Khoa*

### 2.1. Về thuật ngữ “tâm thức lưu đày”

Thuật ngữ “exile” (Tạm dịch: Tâm thức lưu đày) là một trong những nội dung đáng chú ý của thuyết hậu thuộc địa - một học thuyết ra đời ở phương Tây từ những năm 90 của thế kỉ XX, hướng đến giải quyết nhiều “lỗ hổng” về tình hình thực tế sau quá trình “thuộc địa hóa” ở “các nước thứ ba” mà các học thuyết phương Tây trước đó đã không còn khả năng giải quyết. Trong thuyết hậu thuộc địa, tâm thức lưu đày được xem là một biểu hiện có thể được bắt gặp ở cả đối tượng thực dân hoặc thuộc địa. Theo bộ ba tác giả Bill Ashcroft, Gareth Griffiths và Helentiffin: “*Trạng thái lưu đày xuất hiện khi chủ thể tách biệt với quê gốc hoặc với nguồn gốc văn hóa dân tộc*” (Bill & cs., 2000, tr. 93). Cần phân biệt “exile” (lưu đày) với “expatriation” (xa xứ). Cả hai thuật ngữ đều đề diễn tả tình trạng xa cách với quê hương bản quán về mặt

địa lý, văn hóa và dân tộc. Nhưng trong khi xa xứ là một hành động có tính chất tự nguyện thì lưu vong lại ở thế bị động, bị ràng buộc. Mặt khác, đối với những người lưu vong, ngay cả khi mong muốn, họ cũng không thể trở về quê hương gốc và khó khăn trong việc nhìn nhận lại bản sắc văn hóa bản địa. Lưu vong hay lưu đày được tạo ra bởi chủ nghĩa thực dân bằng việc tạo nên áp lực cho nhiều dân tộc thuộc địa để tách biệt họ ra khỏi nền văn hóa, ngôn ngữ và truyền thống riêng của họ. Tâm thức lưu đày có thể được bắt gặp ở nhà thực dân khi họ phải rời xa quê quán của mình để đến xâm lăng một vùng đất mới, hoàn toàn lạ lẫm. Ở chiều ngược lại, nó cũng xuất hiện ở những người dân di cư, từ các quốc gia thuộc địa tìm đến với “mẫu quốc”. Ngoài ra, tâm thức lưu đày còn hiển hiện trong tâm thức của “lớp người ở giữa” tức những người dân vẫn sống trên quê hương bản quán nhưng vì chịu tác động dữ dội của làn sóng văn hóa thực dân nên đang cảm nhận rõ rệt sự xa cách với nguồn cội dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến đối tượng thứ ba. Cụ thể hơn, là tầng lớp thanh niên, trí thức trẻ đang đối mặt với nhiều khủng hoảng nghiêm trọng bởi chính sách thực dân kiểu mới mà Mỹ áp đặt vào miền Nam Việt Nam.

### 2.2. Về tạp chí *Bách Khoa*

*Bách Khoa* là một trong những ấn phẩm hiếm hoi ở miền Nam Việt Nam có thể tồn tại gần như xuyên suốt trong khoảng thời gian đất nước bị chia cắt. Tên tờ báo được mượn từ tờ *Bách Khoa bình dân* đã đình bản từ số thứ hai và lược bỏ hai chữ “bình dân”, chỉ giữ lại hai từ *Bách Khoa*. Đúng với cái tên *Bách Khoa*, tờ báo nguyệt san này nghiên cứu ở khá nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội, khoa học... và nhất là văn học nghệ thuật. Số đầu tiên ra mắt vào năm 1957 và số cuối cùng xuất bản vào năm 1975, tổng cộng trong suốt 18 năm trình làng được 426 số báo. Về mảng văn học, thể loại truyện ngắn chiếm một số lượng đáng kể, với 533 truyện của hơn 100 cây bút thuộc nhiều khuynh hướng khác biệt, thậm chí đối lập lẫn nhau. Mục đích hoạt động của tạp chí *Bách Khoa* đã được xác định trong phần *Thay lời phi lộ* khi số báo đầu tiên ra mắt: “*Bách Khoa* không có tham vọng vạch sẵn một đường lối, một chủ trương hoàn hảo, nhưng có mục đích đóng góp một chút công, một chút lòng thành cùng toàn thể trong công cuộc chấn hưng đất nước”. (Nhiều tác giả, 1957, tr. 1). Tuy nhiên, trong mấy chục số báo đầu dưới thời Huỳnh Văn Lang chủ nhiệm, *Bách Khoa*

có xu hướng thiên về phía chính quyền Sài Gòn với nhiều bài viết phục vụ cho chính sách văn hóa - chính trị theo thuyết cần lao, nhân vị, cùng những lời hô hào, tán dương Ngô Đình Diệm được trích dẫn một cách công khai. Nhưng từ năm 1959, các bài viết bắt đầu đi sâu hơn vào lĩnh vực văn học nghệ thuật cùng với việc chuyển hướng, đứng vào thế trung lập, dung hòa rộng rãi mọi khuynh hướng. Không có chủ trương “văn nghệ Cách mạng” cũng không chủ trương “vượt thời gian” (Võ, 2015). Đó là một trong những lí do biến *Bách Khoa* thành một “vùng đất hứa” cho nhiều tác giả cả nam lẫn nữ, cả mới lẫn cũ, cả có thâm niên lẫn mới vào nghề, cả chuyên nghiệp lẫn non trẻ... đều có thể thỏa sức vẫy vùng sáng tạo.

Dù không hẳn là một tờ báo nhất quán về quan điểm chính trị, nhưng trong suốt thời gian tồn tại, *Bách Khoa* đã mang lại nhiều tác phẩm có giá trị, không chỉ bắt kịp với nhịp sống của xã hội đương thời mà còn phản ánh chiều sâu tâm tư, tình cảm của con người đất Việt. Riêng với địa hạt truyện ngắn, *Bách Khoa* có lẽ là một trong những tờ báo hiếm hoi dung nạp các tác phẩm thuộc mọi khuynh hướng, tạo điều kiện cho nhiều cây bút ở mọi lứa tuổi, giới tính, quan điểm chính trị, lập trường tư tưởng. Chính điều ấy đã mang đến cho truyện ngắn trên *Bách Khoa* một sự đông đảo về số lượng, phong phú về nội dung, đa dạng về khuynh hướng, mở rộng về đề tài... Đồng thời, qua những câu chuyện ấy, biết bao chuyển biến phức tạp của đời sống xã hội và tâm hồn con người cũng dần được hé mở, bộc lộ đầy cụ thể, chân thực.

### 3. Nội dung biểu hiện tâm thức lưu đày

#### 3.1. Cảm giác mất phương hướng, cô đơn giữa thực tại

Cảm giác cô đơn thường xuất hiện khi một cá nhân nhận thấy sự thiếu kết nối hay gặp khó khăn trong giao tiếp với đối tượng khác. Đó không đơn thuần là một trạng thái cảm xúc mà còn là một nỗi đau tâm lý, rất dễ xảy ra bởi những khiếm khuyết tương tác trong quá trình chủ thể tìm kiếm sự gắn kết với những người xung quanh. Đối với nhiều người dân thuộc địa nói chung, tầng lớp trí thức thanh niên nói riêng, nỗi cô đơn thậm chí còn ám ảnh hơn, khi sự đổ bộ của chủ nghĩa thực dân khiến họ ngày càng có cảm giác tách rời quê hương bản quán của mình. Tuy không tồn tại sự cách xa về mặt địa lý, nhưng rõ ràng, đang có một bức tường ngăn cách thanh niên, trí thức miền Nam chạm tay vào cội nguồn dân tộc.

Họ sinh ra trong bối cảnh “con lóc Mỹ” đã đổ bộ vào miền Nam với vô vàn những khuynh hướng, tư tưởng hỗn tạp. Họ chịu một nền giáo dục phương Tây, dưới sự kiểm soát của chế độ Sài Gòn nên không thể thoát khỏi những lối suy nghĩ mà chính quyền bấy giờ vạch ra. Nhưng vốn là những người trẻ nhạy cảm trước thời cuộc, họ nhanh chóng nhận ra những nghịch lý giữa lời nói và hành động của chính quyền cùng thực tế và sách vở mà bản thân tiếp nhận. Họ vỡ mộng, rơi vào khủng hoảng, cảm thấy bất lực và mất phương hướng. Một mặt, ở họ vẫn day đặng trong tim một tình yêu nước, tinh thần dân tộc, vẫn sục sôi quyết tâm và khát khao cống hiến cho Tổ quốc, nhân dân. Nhưng mặt khác, sự can thiệp của Mỹ, sự bất lực của chính quyền Sài Gòn, sự tàn khốc của chiến tranh, sự ngột ngạt của đời sống xã hội ghì chặt họ bằng bao nỗi phân uất, bất lực, đốn đau. Họ không thể thay đổi đời sống như họ mong muốn, càng không thể từ bỏ tình cảm, khát khao dành cho Tổ quốc non sông. Thế nên, thường trực ở rất nhiều trí thức, thanh niên đô thị là cảm giác cô đơn rợn ngợp, thậm chí hoang mang, mất phương hướng.

Việc đối diện với cuộc sống ngột ngạt hằng ngày trở thành một hình phạt tra tấn tinh thần, khiến những người thanh niên trẻ không khỏi buồn bã, chán chường, bứt rứt. Văn trong *Trở về thành phố* của Trần Đại; Hải trong *Kẻ chiến đấu một mình*, “tao” trong *Cuộc săn người tàn bạo*, Quang trong *Những ngày bỏ trống* của Biên Hồ; Thơ trong *Bóng mát trên đường*, Nguyệt trong *Tiếng hát* của Nguyễn Thị Thụy Vũ; Thu trong *Tiêm sinh* của Vô Ưu; “anh” trong *Thuở ấy có nhà* của Hoàng Ngọc Tuấn... đều là những người trẻ bị vây quanh bởi nỗi cô đơn thường trực. Họ xa lạ với cuộc sống quanh mình, một cuộc sống đang bị đảo lộn về mọi mặt, một cuộc sống đầy mất mát khi thiếu đi người thân và vắng bóng cả quê hương. Tất cả họ dường như chỉ là những “kẻ chiến đấu một mình” trong cuộc sống thực tại, với đầy những hoài nghi, chán chường, bơ vơ, tiếc nuối. Hải trong *Kẻ chiến đấu một mình* của Biên Hồ đã cất lên tiếng lòng của biết bao thanh niên đô thị miền Nam bằng cảm giác đau đớn, chấn thương dữ dội: “Ở đây anh không còn ai nữa... Anh thu mình lại, lẻ loi, xa cách. Anh chán ngán cái không khí ở các trường Đại học, ở đó không làm sao có được cảm thông, không làm sao có tình người, ở đó chỉ có đàng điếm, vong thân và kiêu ngạo.” (Biên, 1968, tr. 53-54) Rõ ràng, những người thanh niên vốn dạt dào nhựa sống đã bị thực tế phi lý

rút kiệt nguồn vui mà trở nên héo úa, hao mòn. Họ cô đơn, lạc lõng không phải vì không ý thức được hoàn cảnh, mà vì ý thức được hoàn cảnh nhưng không thể thay đổi nó. Nhiều người giống như Hải, vẫn đầy hoài bão khát khao cống hiến nhưng đã dần mất niềm tin, mất kết nối với đời sống thực tại. Nhất là khi họ phải chịu áp lực đè nén từ chính quyền thực dân, phải nếm trải bao tuyệt vọng đón đầu từ việc vụn vỡ lí tưởng. Thậm chí, nỗi cô đơn đôi khi còn dồn đẩy con người vào con đường sai trái, dần đánh mất bản thân mình như Nguyệt trong *Tiếng hát* (Thụy Vũ) hay dần thân vào giang hồ lang bạt như “anh” trong *Thuở ấy có nhà* (Hoàng Ngọc Tuấn). Càng trốn chạy, càng phó mặc, họ lại càng chìm sâu vào nỗi cô đơn bởi những mâu thuẫn nội tại chưa thể giải quyết, những nút thắt trong tâm hồn chưa thể tháo gỡ. Quê nhà của họ vẫn còn đang oằn mình dưới gót giày quân xâm lược, đời sống của họ vẫn còn lăm lăm bị kịch bởi bàn tay thống trị thực dân. Thế nên, dù vẫn đang hiện diện trên quê hương nhưng cuộc sống đối với những người trẻ thực chất chỉ là sự tồn tại, khi họ không thể tìm thấy bất kì mối nối nào với nguồn cội dân tộc mình.

Bàn tay thống trị thực dân đã nhào nặn nên một miền Nam thay đổi kì dị, với đầy vết lở loét bom đạn, tung toé bụi mù hỏa châu, tràn lan căn cứ quân sự, dày đặc quán rượu, vũ trường, ngổn ngang những khu tạm cư nhóp nhép... Hàng loạt những đổi thay đó khiến những thanh niên trẻ không làm cách nào nhận diện được quê hương mình. Họ thường xuyên đi giữa những lằn ranh hoang mang, lạ lẫm khi soi chiếu quê hương ở hai thời điểm quá khứ với hiện tại, ở hai trạng thái chiến tranh và hòa bình. Dù là các thành phố như Sài Gòn, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Vĩnh Long... hay những vùng quê xa xôi, hẻo lánh, cũng đều hiện lên với dáng vẻ thảm thương, méo mó, xơ xác, tiêu điều. Bằng việc miêu tả những thay đổi bề mặt quê hương, các cây bút trên *Bách Khoa* đã khơi gợi những nỗi đau nằm ở bề sâu tâm thức của chủ thể thuộc địa. Nỗi đau ấy không chỉ đơn thuần là thái độ ngỡ ngàng, chua xót khi đứng trước quê hương mà còn là cảm giác mất mát, lạ lẫm khi quê hương đang biến đổi dữ dội bởi tác động của thực dân xâm lược.

Thực tế phũ phàng trái ngược hoàn toàn với những lời hứa hẹn hoa mỹ của “người bạn đồng minh” và chính quyền Sài Gòn rao giảng nhanh chóng ném người dân miền Nam Việt Nam vào bị kịch vỡ vụn. Tất cả những gì họ chứng kiến là sự đổi thay kì dị của quê hương. Phố thị thay hình đổi dạng, hồi hám bản

thứ, đầy rẫy tệ nạn: một Qui Nhơn kì dị “Nhà cửa chen chúc thêm, đường sá bị cày nát lên bởi những đoàn công voa ngày ngày bật đèn sáng trưng kéo nhau đi trong bụi bặm. Người ta phóng uest và đổ rác trên bãi biển, biến những ngọn đồi hóa ra công trường. Người Mỹ vỡ núi ra lấy đá. Người Mỹ đi nghênh ngang ngoài đường với điếm. Mỗi lần trở lại Qui Nhơn tao thấy nó xấu thêm nhiều và người sống ở đó lại hã hê thêm nhiều.” (Biên, 1969a, tr. 51); một “Sài Gòn đi điếm, Sài Gòn là ổ rác” với “Bar, Building mọc như nấm, Mỹ nhiều như nước chảy” (Trần, 1968, tr. 58); một Đà Nẵng “là thành phố bạc nhì của Việt Nam” nhưng “...cây càng ngày càng khô, đường càng ngày càng lổ, Mỹ càng ngày càng nhiều.” (Vô, 1972, tr. 118); một Vĩnh Long chẳng khác gì một thành phố tân kì xa lạ với “những nhà cửa khang trang, những công sở nguy nga, những công viên, công trường rộng rãi và xinh đẹp...” (Nguyễn, 1974, tr.61). Dư chấn của chủ nghĩa thực dân còn lan sang cả những vùng quê hẻo lánh, khiến cho nơi đây vốn khổ nghèo, thiếu thốn nay càng thêm bi đát, thảm thương: “Nghèo cả trên màu vàng hoa của hoa mướp hay trên những đám ruộng chỉ còn gốc rạ. Núi đã lán dần ra sát biển và đất đai chỉ còn thu lại bằng cái bàn tay.” (Vô, 1974, tr. 67); “Làng mạc xơ xác, năm ba căn nhà lá trống trơn. Ruộng đồng bao la như biển cả, không một bóng cây. Cỏ mọc lan ra ruộng lúa rồi cũng cháy khô đi như chòm tóc úa.” (Biên, 1968, tr. 53). Hàng loạt cảnh tượng tiêu điều, xơ xác so với một quê hương mà họ từng biết nhanh chóng khiến các nhân vật cảm thấy mình là những kẻ lạ, bơ vơ, xa cách với chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Đối với họ, quê hương thật sự chỉ tồn tại trong hoài niệm, chỉ trọn vẹn ở quá khứ, khi mảnh đất này chưa có bóng dáng của người Mỹ. Hơn ai hết, những trí thức, thanh niên yêu nước luôn dành cho quê hương một tình cảm thủy chung, son sắt. Nhưng thực tại nhanh chóng bẻ gãy họ bằng những đổi thay, biến dạng. Họ càng muốn gần gũi với quê hương lại càng cảm nhận rõ rệt sự xa cách. Họ càng muốn tìm lại, quay về với nguồn cội lại càng hiểu rõ nỗi bất lực vì chịu chi phối của thế lực thực dân. Bản thân họ là những người trẻ tuổi, tiến bộ nhưng lại không thể tự “định vị” chính mình, không thấy bản thân thuộc về cội nguồn xứ sở.

Dù không có sự cách biệt về mặt địa lý nhưng rõ ràng, trong tâm thức của những thanh niên miền Nam dân tộc lộ rõ cảm giác bị “lưu vong” ngay trên chính quê hương. Càng cô đơn giữa thực tại, họ càng



muốn tìm về vòng tay áp ôm của đất mẹ thân thương. Nhưng rồi lại ngỡ ngàng nhận ra, biết bao vùng đất trên quê hương họ đang dần biến dạng vì chịu cảnh giày xéo xâm lăng của người Mỹ. Không thể chấp nhận, càng không thể thay đổi hiện trạng đó nên hệ quả tất yếu khiến con người rơi vào trạng thái lưu đày triền miên: “Chúng mình thực tình đã không thể dung hợp được với xã hội này trong khi lòng lúc nào cũng muốn ôm lấy cuộc đời, ôm lấy con người mà sống, tạo dựng và phấn đấu.” (Biên, 1969a, tr. 51). Cảm giác lạ lẫm với quê hương không chỉ được hình thành khi chủ thể thuộc địa chứng kiến sự thay đổi tiêu cực của dáng hình xứ sở. Sâu xa hơn, nó tích tụ bằng những nỗi đau âm ỉ, mặc cảm lạc loài vì bị tước quyền làm chủ quê hương ngay khi đang sống tại quê hương bản quán. Dù có phục vụ hay không phục vụ cho thực dân, nhưng thẳm sâu trong trái tim họ, nỗi đau chia cắt, không thể hòa nhập được với cội nguồn dân tộc vẫn là một điều không thể phủ nhận, khiến nhiều thanh niên rơi vào trạng thái khủng hoảng, đau khổ, rã rời.

### 3.2. Cảm giác “bật gốc” khỏi xứ sở cội nguồn

Bật gốc (deracinate) dùng để nhấn mạnh trạng thái bị buộc phải rời khỏi môi trường quốc gia hoặc xã hội của một người. Họ không chỉ cách xa với môi trường quen thuộc mà còn phải từ bỏ các đặc điểm riêng biệt của chính họ để xích lại gần hơn với nhà thực dân. Sự xa cách với cội nguồn gốc rễ một bộ phận thanh niên cảm thấy mình không còn thuộc về mảnh đất mà mình đang sinh sống, và dường như, mình cũng chẳng còn là chính mình. Cảm giác này được thể hiện rõ nét qua một số sáng tác của Biên Hồ trên tạp chí *Bách Khoa*, khi nhiều chàng trai sinh viên trẻ tuổi chưa thể nhận định được con đường đúng đắn để tìm về với nguồn cội dân tộc, càng không hề tìm thấy được ý nghĩa trong đời sống của mình.

Trong *Kẻ chiến đấu một mình*, thông qua buổi nói chuyện giữa viên sĩ quan với sinh viên trường Đại học Văn khoa, Biên Hồ đã lột trần sự chi phối cùng những ảo tưởng mà nhà cầm quyền gieo vào đầu thế hệ trẻ. Bằng những đòn tâm lý tinh vi, nhà thực dân đã nắm bắt và điều khiển hành vi của không ít sinh viên, khiến họ tin rằng, việc tình nguyện đi cứu trợ ở những trại tạm cư, việc chống lại “Việt Cộng” chính là những biểu hiện của lòng yêu nước. Thế nhưng, khi họ vẫn còn thả hồn vào trong những “ca khúc da vàng”, vẫn còn say sưa trong những “đêm nguyện cầu” để khóc thương cho “thân phận nhục tiếu”

cũng chính là lúc họ rơi vào bẫy của nhà thực dân. Bởi khi đó, họ đã chấp nhận mình là một “kẻ khác”, luôn thua kém và cần dựa vào “mẫu quốc” văn minh tiến bộ để định vị được chính mình. Nhận ra tất cả những điều này, nên Hải luôn thấy xót xa chua chát: “Hải thấy thương mình vô kể. Những người bạn anh bỗng xa lạ và anh lạc lõng lẻ loi như một góa phụ về già.” (Biên, 1968, tr. 53). Ở Hải, cảm giác bơ vơ, xa cách không chỉ tồn tại trong mối quan hệ giữa anh với những người bạn xung quanh, mà hơn hết, hiện hữu trong sự gắn kết đã đứt lìa giữa thế hệ trẻ của anh với cội nguồn dân tộc. Dưới sự thống trị bá quyền thực dân và nhất là khi chưa tìm đến được với con đường Cách mạng, những người trẻ như Hải rất khó để thoát khỏi sự sắp đặt, chi phối của chính quyền. Nhưng bằng sự nhạy cảm của mình, họ hiểu rất rõ những chỉ dẫn ấy chỉ càng khiến bản thân họ rơi vào bế tắc, khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn chẳng thể mang trả lại cho họ một đất nước thống nhất, độc lập, tự do. Bị đất hơn, nhiều người còn chẳng thể bầu víu vào bất cứ nơi đâu vì mọi ngóc ngách đều đã bị vây bủa bởi sự dơ nhớp của quân xâm lược. Với “tao” trong *Cuộc săn người tàn bạo*, dù ở Sài Gòn hay Qui Nhơn, “tao” cũng không thể tìm lại được đáng về quen thuộc của một “quê hương đã mất”, không thể có lại cảm giác thân thương cùng những người cùng chung gốc gác, máu mủ với mình: “...tao không thể nào sống ở làng đó, không thể nào chịu đựng được những đứa vô lại dốt nát, ngu xuẩn bắt nạt dân nghèo, những thằng sống suốt đời một kiếp chó mà vẫn tươi cười, những thằng lợi dụng chiến tranh để làm giàu, những thằng mày dầy mặt dạn lừa phỉnh tụi trẻ con, bán vé cho chúng để được cho vào nhà xem vô tuyến truyền hình, những đứa con nít mắt dạy bắt chước tụi ca bồi Mỹ trong truyền hình đâm nhau thí mạng.” (Biên, 1969a, tr. 51). Sự lạc mất cội rễ của “tao” cũng như nhiều thanh niên khác khiến họ không còn chôn dung thân. Họ không thể tìm về với quê hương vì không thể chấp nhận những biến đổi. Họ càng không thể tuân theo sự xoay chuyển thực dân vì hiểu rõ mưu đồ xảo quyệt của một kẻ cướp nước. Những nỗi bức bối, mâu thuẫn ấy khiến “lớp người ở giữa” luôn không ngừng bị giằng co bởi những phức cảm đau đớn, uất nghẹn. Cuộc sống đối với họ trở thành một cuộc lưu đày thật sự khi họ không thể tìm thấy niềm vui, không thể đạt được lí tưởng, không thể vượt thoát khỏi sự áp đặt chi phối và không thể cảm nhận sự gắn kết với chính quê hương máu thịt của mình.

### 3.3. Khát khao tìm lại chính mình gắn với lòng yêu nước

Tuy chưa thể chỉ rõ con đường Cách mạng duy nhất để thoát khỏi gông cùm những nhiều truyện ngắn trên *Bách Khoa* vẫn bộc lộ được tình yêu sâu nặng dành cho đất nước qua những khát khao công hiến của trí thức, thanh niên miền Nam. Tuổi trẻ với giác quan nhạy bén đã sớm ý thức được thân phận mình và xác định vai trò, trách nhiệm của mình với quốc gia, dân tộc. Dù không bộc lộ khảng khái như những vần thơ sôi nổi của Trần Quang Long, Đông Trình, Võ Quê, Thái Ngọc San, Phạm Thế Mỹ... nhưng một số truyện ngắn của Biên Hồ, Lê Tất Điều, Võ Hồng, Trần Đại... vẫn khéo léo lồng ghép khát vọng công hiến, đấu tranh của những người trẻ để bảo vệ, kiến thiết Tổ quốc, quê hương.

Nhiều sáng tác của Biên Hồ vẽ nên những bức tranh thật đẹp về người thanh niên giàu nhiệt huyết, lí tưởng. Lạc trong *Đốt lửa trong đêm* dù cô đơn, lạc lõng giữa thực tại vẫn không ngừng theo đuổi công việc cứu trợ đồng bào ở những vùng bị ảnh hưởng bởi chiến tranh: “Còn anh nhiều khi anh thảng thốt tự hỏi rằng nếu không có những lần lẩn thân vào những khổ đau của đồng loại thì anh còn có lý do nào để sống? để sống mà không hổ thẹn.” (Biên, 1969b, tr. 48). Lớn lao hơn, anh luôn mơ về một tương lai tươi sáng, mà ở đó, để giải phóng con người, chỉ có một con đường duy nhất - con đường Cách mạng xã hội: “Anh mong đợi cuộc cách mạng xã hội toàn diện, một tình thương rộng lớn ôm trọn lấy con người chứ nào phải anh bằng lòng với cái hành động cứu trợ con con ấy đâu.” (Biên, 1969b, tr. 46). Tương tự như những thanh niên trong trang viết của Biên Hồ, những Văn trong *Trở về thành phố* của Trần Đại, “anh” trong *Hai thành phố* của Lê Tất Điều... cũng chẳng có ước mong nào khác ngoài việc được góp sức mình xây dựng và bảo vệ quê hương.

Bên cạnh đó, tuy không được miêu tả quá chi tiết nhưng những hoạt động biểu tình của tầng lớp trí thức, thanh niên đô thị được nhắc đến trong những tác phẩm *Chống biểu tình* của Võ Hồng hay Ngày xấu của Lê Tất Điều đã gióng lên một hồi chuông cảnh tỉnh sâu sắc. Họ đã đứng lên đấu tranh quyết liệt, không sợ bắt bớ, tra tấn, tù đày. Ý thức vùng dậy, phản kháng đó một lần nữa đã khắc sâu thêm lòng yêu nước cùng tinh thần quật cường của dân

tộc. Lòng yêu nước được cụ thể hóa thành những khát khao, hành động của thế hệ trẻ. Đó đồng thời cũng là minh chứng cụ thể nhất, bền bỉ nhất cho quyết tâm của người Việt Nam trong cuộc hành trình đòi lại độc lập, tự do.

### 4. Kết luận

Có thể thấy, tâm thức lưu đày là một trạng thái phổ biến ở không ít trí thức, thanh niên miền Nam trong suốt hơn hai mươi năm sống chịu sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Trạng thái ấy bộc lộ ở nhiều tầng bậc cảm xúc, nhưng đều tập trung khắc họa nỗi đau đớn không thể nguôi quên đối với chủ thể thuộc địa khi chịu cảnh “mất nước”, “mất quê” ngay khi đang sống trên quê hương, đất nước mình.

Dù chưa định hướng ngay được con đường đúng đắn, nhưng việc ý thức được thân phận, cảnh ngộ của quê hương cũng như của chính mình có thể xem là một biểu hiện đáng trân trọng của lòng yêu nước cùng tinh thần dân tộc sâu sắc. Điều ấy sẽ trở thành động lực, hun đúc sức mạnh để những người nắm trong tay vận mệnh đất nước có thể vùng dậy đấu tranh, đòi lại quyền làm chủ chính đáng của mình.

### Tài liệu tham khảo

- Biên, H. (1968). Kể chiến đấu một mình. *Tạp chí Bách Khoa*, 277, 50-54.
- Biên, H. (1969a). Cuộc săn người tàn bạo. *Tạp chí Bách Khoa*, 301, 47-52.
- Biên, H. (1969b). Đốt lửa trong đêm. *Tạp chí Bách Khoa*, 290-291, 45-50.
- Bill, A., & cs. (2000). *Key concepts in post-colonial studies*. London: Routledge Taylor and Francis Group.
- Bùi, T. T. (2013). Ý thức về thân phận văn hóa trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 29, 6-13.
- Bùi, T. T. (2015). Tâm thức lưu đày trong truyện ngắn yêu nước đô thị miền Nam 1965-1975. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 39, 57-63.
- Bùi, T. T. (2018). *Đóng góp của tạp chí Bách Khoa đối với văn học đô thị miền Nam 1954-1975*. Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Bùi, T. T. (2019). Thơ Trần Hiền Ân trên tạp chí Bách Khoa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(1C), 82-88.
- Huỳnh, N. P. (2015). Chiến tranh, xã hội tiêu thụ và thị trường văn học miền Nam 1954-1975. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, 3, 27-40.
- Huỳnh, N.P. (04/02/2020). Văn học miền Nam Việt Nam 1954-1975: Những khuynh hướng chủ yếu và thành tựu hiện đại hóa. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư*. Truy cập từ <https://thanhdiavietnamhoc.com/van-hoc-mien-nam-viet-nam-1954-1975-nhung-khuynh-huong-chu-yeu-va-thanh-tuu-hien-dai-hoa/>.
- Nhiều tác giả. (1957). Thay lời phi lộ. *Tạp chí Bách Khoa*, 1, 1-2.
- Nguyễn, T. T. V. (1974). Loài rau hoang dại. *Tạp chí Bách Khoa*, 411, 61-70.
- Nguyễn, T. V. N. (2011). Vài nét về tiểu thuyết đô thị miền Nam 1954-1975. *Tạp chí Giáo dục*, 261, 32-35.
- Trần, Đ. (1968). Khi mùa xuân đến. *Tạp chí Bách Khoa*, 267-268, 54-67.
- Vô, U. (1972). Tiềm sinh. *Tạp chí Bách Khoa*, 361-362, 117-132.
- Vô, U. (1974). Sông Thu Bồn, nước Thu Bồn. *Tạp chí Bách Khoa*, 417, 66-70.
- Võ, P. (2015). *Văn học miền Nam tổng quan*. Truy cập từ [https://isach.info/story.php?story=van\\_hoc\\_mien\\_nam\\_tong\\_quan\\_vo\\_phien](https://isach.info/story.php?story=van_hoc_mien_nam_tong_quan_vo_phien).
- Vũ, T. T. T. (2015). Tạp chí Bách Khoa với đời sống xã hội Sài Gòn. Truy cập từ <https://www.sachhay.org/cao-thom/ChiTiet/2800/tap-chi-bach-khoa-va-doi-song-xa-hoi-sai-gon>.